

# ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔNG QUÁT

## 1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

**Tên học phần (tiếng Việt):** Anh văn 3

**Tên học phần (tiếng Anh):** English 3

**Mã học phần:**

**Mã tự quản:** 14200203

**Thuộc khối kiến thức:** Giáo dục đại cương

**Đơn vị phụ trách:** Trung tâm Ngoại ngữ - Khoa Ngoại ngữ

**Số tín chỉ:** 3 (3,0)

**Phân bố thời gian:**

– Số tiết lý thuyết : 45 tiết

– Số tiết thí nghiệm/Thực hành (TN/TH) : 00 tiết

– Số giờ tự học : 90 giờ

**Điều kiện tham gia học tập học phần:**

– Học phần tiên quyết: Không;

– Học phần học trước: Anh văn 1, Anh văn 2;

– Học phần song hành: Không.

## 2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

STT [1]	Họ và tên [2]	Email [3]	Đơn vị công tác [4]
1.	ThS. Nguyễn Thị Kim Anh	anhntk@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
2.	ThS. Nguyễn Văn Đạt	datnv@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
3.	ThS. Lê Vũ Ngân Hà	halvn@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
4.	ThS. Trịnh Thu Hằng	hangtt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
5.	ThS. Ngô Thị Ngọc Hạnh	hanhntn@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
6.	ThS. Nguyễn Thanh Hiền	hiennt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
7.	ThS. Tống Thị Huệ	huett@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
8.	ThS. Nguyễn Giang Hương	huongng@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
9.	ThS. Phan Thị Thanh Hương	huongpntt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
10.	ThS. Nguyễn Thị Mai Hương	huongntm@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
11.	ThS. Lý Công Khanh	khanhlc@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
12.	ThS. Trần Thị Trang Loan	loanttt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
13.	ThS. Giang Trúc Mai	maigt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
14.	ThS. Trần Tín Nghị	ngहितt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
15.	ThS. Đặng Thị Hồng Nhung	nhungdth@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
16.	ThS. Phạm Ngọc Sơn	sonpn@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ

<b>STT [1]</b>	<b>Họ và tên [2]</b>	<b>Email [3]</b>	<b>Đơn vị công tác [4]</b>
17.	TS. Đinh Văn Sơn	sondv@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
18.	ThS. Võ Thị Thu Thảo	thaovtt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
19.	ThS. Trần Thị Quý Thu	thuttq@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
20.	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Trân	tranntn@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ
21.	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	xuyennt@hufi.edu.vn	Khoa Ngoại ngữ

### 3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho sinh viên năng lực ngoại ngữ đáp ứng được trình độ bậc B1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TTBGDDT trong học tập, nghiên cứu tài liệu nước ngoài và cơ hội tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Học phần tập trung nâng cao trình độ ngoại ngữ theo 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết với sự tham gia giảng dạy và hướng dẫn của giáo viên nước ngoài trong 1/3 chương trình. Học phần có sử dụng platform online cho việc tự học ở nhà của sinh viên với thời lượng 90 tiết.

### 4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

<b>Mục tiêu [1]</b>	<b>Mô tả mục tiêu [2]</b>	<b>Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo [3]</b>	<b>Trình độ năng lực [4]</b>
G1	Cho/ lấy ví dụ các điểm ngữ pháp ở mức độ tiên trung cấp; thông thạo những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội	PLO11.1	5
G2	Tổng hợp kiến thức trong các bài nghe hiểu, nắm bắt chủ đề, nội dung chi tiết của bài nghe; hình thành kỹ năng giao tiếp được trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về chủ đề giao tiếp xã hội hàng ngày; Áp dụng nhuần nhuyễn các kỹ năng đọc hiểu và hiểu những văn bản, bài báo ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày; hình thành kỹ năng trong việc chọn từ đúng để viết, chọn từ phù hợp với văn viết và sáng tạo trong viết về những chủ đề đơn giản	PLO6, PL011.1	5
G3	Lên kế hoạch tự học và kiểm tra tiến độ làm bài tập workbook online trên hệ thống My ELT	PLO12, PLO13, PLO14, PLO15	5

## 5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Chuẩn đầu ra (CDR) chi tiết của học phần (\*) như sau:

Mục tiêu học phần [1]	CDR học phần [2]	Mô tả chuẩn đầu ra [3]	Trình độ năng lực [4]
<b>G1</b>	CLO1.1	Lấy ví dụ được các điểm ngữ pháp ở mức độ tiền trung cấp, cụ thể có thể thành thạo các nội dung như sau: các thì của động từ; cấu trúc so sánh; các dạng câu hỏi; từ nối, giới từ; loại từ; cách thành lập từ; tiền tố, hậu tố; sự hòa hợp giữa danh từ và động từ, v.v.;	5
	CLO1.2	Chỉ ra sự khác biệt những từ và cụm từ thường sử dụng trong tiếng Anh cơ bản và ngữ cảnh tiếng Anh giao tiếp trong các hoàn cảnh xã hội.	5
<b>G2</b>	CLO2.1	Áp dụng thành thạo kiến thức để nghe các cuộc hội thoại, chương trình truyền hình, cuộc phỏng vấn, bài nói chuyện, câu chuyện, bài phát biểu cá nhân, các mô tả, v.v; tổng hợp kiến thức nghe hiểu, nắm bắt chủ đề, nội dung chi tiết của bài nghe để từ đó hoàn thành các bài tập điền từ để hoàn thành câu, đoạn văn; trả lời câu hỏi; nối câu hỏi với câu trả lời đúng, v.v; áp dụng kỹ năng nghe và rèn cách phát âm của từ như các nguyên âm, phụ âm, âm cuối, trọng âm; nói âm; ngữ điệu của câu.	5
	CLO2.2	Áp dụng thành thạo kỹ năng giao tiếp được trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về chủ đề giao tiếp xã hội hàng ngày; áp dụng chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu, xin lỗi, cảm ơn, chúc tụng...; hình thành kỹ năng hỏi và trả lời những câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc hàng ngày như bản thân, thói quen hàng ngày, du lịch, mơ ước...; sáng tạo trong việc miêu tả cảm xúc, thái độ...; áp dụng trong việc kể chuyện, miêu tả một cách đơn giản các hoạt động, sự kiện; miêu tả một địa điểm, kinh nghiệm cá nhân, v.v.	5
	CLO2.3	Kết hợp các kỹ năng đã học để hiểu những văn bản, bài báo ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày; áp dụng nhuần nhuyễn các kỹ năng đọc hiểu (đọc nhanh để tìm ý chính và đọc kỹ để tìm thông tin chi tiết).	5
	CLO2.4	Áp dụng thành thạo trong việc thành lập câu bằng cách sắp xếp từ; hình thành kỹ năng trong việc chọn từ đúng để viết, chọn từ phù hợp với văn viết; sáng tạo trong viết tiếp câu dựa trên phần có sẵn; sáng tạo trong viết về những chủ đề đơn giản như bản thân, thời gian rảnh, nơi chốn, du lịch, v.v.	5

<b>G3</b>	CLO3.1	Xác định được tầm quan trọng của môn học; Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử; Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và các bài tập tuần;	<b>5</b>
	CLO3.2	Xây dựng và lên kế hoạch tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm tài liệu;	<b>5</b>
	CLO3.3	Ước tính được hiệu quả của hoạt động tự học và xây dựng kế hoạch tham gia vào các hoạt động trên lớp.	<b>5</b>

(\*). Các CDR học phần được xây dựng dựa trên việc tham khảo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TTBGDDT

## 6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

### 6.1. Phân bố thời gian tổng quát

STT [1]	Tên chương/bài [2]	Chuẩn đầu ra của học phần [3]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4]			
			Tổng	Lý thuyết	TN/TH	Tự học
1.	An Introduction to English 3	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	9	3	0	6
2.	Unit 7: Work	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
3.	Unit 8: Technology	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
4.	Unit 9: Language and learning	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
5.	Unit 10: Travel and holidays	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
6.	Unit 11: History	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
7.	Unit 12: Nature	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
8.	Speaking Test	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	18	6	0	12
<b>Tổng</b>			<b>135</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 6.2. Nội dung chi tiết của học phần

#### Unit 7: Work

7A. X-ray photographer

7B. The cost of new jobs

7C. Twenty-first century cowboys

7D. A job interview

7E. Applying for a job

7F. Butler school

**Unit 8: Technology**

8A. Invention for the eyes

8B. Technology for explorers

8C. Designs from nature

8D. Gadgets

8E. An argument for technology

8F. Wind power

**Unit 9: Language and learning**

9A. Ways of learning

9B. The history of writing

9C. Saving languages

9D. Enrolling on a course

9E. Providing information

9F. Disappearing voices

**Unit 10: Travel and holidays**

10A. Holiday stories

10B. Adventure holidays

10C. A tour under Paris

10D. At tourist information

10E. Requesting information

10F. Living in Venice

**Unit 11: History**

11A. An ancient civilisation

11B. Modern history

11C. The life of Jane Goodall

11D. A journey to Machu Picchu

11E. The greatest mountaineer

11F. The lost city of Machu Picchu

## Unit 12: Nature

12A. Nature in one cubic foot

12B. The power of nature

12C. Changing Greenland

12D. Saving the zoo

12E. Good news

12F. Cambodia Animal Rescue

## 7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

– Thang điểm đánh giá: 10/10

– Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

Hình thức đánh giá [1]	Thời điểm [2]	Chuẩn đầu ra học phần [3]	Tỉ lệ (%) [4]	Rubric [5]
<b>Đánh giá quá trình học tập</b>			<b>50</b>	
Chuyên cần	Suốt quá trình học	CLO3.1, CLO3.3	10	I.1
Online Workbook	Suốt quá trình học	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2	10	I.4
Bài kiểm tra trên lớp theo hình thức tự luận	Khi học Unit 5	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2	10	I.2
Bài kiểm tra Speaking (với giáo viên nước ngoài)	Khi học Unit 6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2	20	I.3
<b>Đánh giá kết thúc học phần</b>			<b>50</b>	
Thi Trắc nghiệm	Sau khi kết thúc học phần	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.3, CLO2.4, CLO3.1, CLO3.2	50	Theo thang điểm của đề thi

## 8. NGUỒN HỌC LIỆU

### 8.1. Sách, giáo trình chính

[1] Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P., (2017). *Life A2-B1*. National Geographic Learning.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[1] Jack, C. R. (2003). *Tactics for Listening (Developing)*. Oxford: Oxford University Press.

- [2] Mark H. (2003). *English Pronunciation in Use*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [3] Raymond, M. (2005). *English grammar in use*. Cambridge: Cambridge University
- [4] Redston, C. & Cunningham, G. (2012). *Face2face*. Cambridge: Cambridge University Press
- [5] Thomson, A. J. & Martinet, A. V. (1986). *A Practical English Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

## 9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

### 9.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên thực hiện theo Quyết định số 02/ QĐ-KNN ngày 11 tháng 07 năm 2019 về việc ban hành Quy định về điểm danh tham dự lớp đối với các nhóm lớp chính quy do Khoa ngoại ngữ quản lý của Trường khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM. (Xem chi tiết tại địa chỉ website: <http://knn.hufi.edu.vn/quy-dinh-ve-viec-diem-danh-tham-du-20190719182109000article>)

### 9.2. Quy định về hành vi lớp học

– Sinh viên thực hiện theo Quyết định số 1879/ QĐ-DCT ngày 25 tháng 11 năm 2016 về việc ban hành Quy định về văn hóa và quan hệ công sở của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM (Download tại: <https://drive.google.com/file/d/1g0hbmH1SrvCOREzMwPFnaIvVGFyPZWpc/view?usp=sharing>);

– Sinh viên thực hiện theo Quyết định số 1293/QĐ-DCT ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành Nội quy học đường Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM. (Download tại: <https://drive.google.com/file/d/1m9Wul9UES8eMgcvwSxb1leIOu3Ma8aX/view?usp=sharing>).

### 9.3. Quy định về học vụ

Sinh viên thực hiện theo Quyết định số 1603/QĐ-DCT ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM (Xem chi tiết: <http://egov.hufi.edu.vn/quy-che-quy-dinh-nha-truong/quy-che-dao-cao-theo-he-thong-tin-chi-he-dai-hoc-504.html>).

## 10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

– Phạm vi áp dụng: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ đại học từ khóa 11DH;

– Giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biên soạn đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra;

– Sinh viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi;

– Đề cương học phần tổng quát Anh văn 3 được ban hành kèm theo chương trình đào tạo và công bố đến các bên liên quan theo quy định.

## 11. PHÊ DUYỆT

Phê duyệt lần đầu

Phê duyệt bản cập nhật lần thứ: 3

**Ngày phê duyệt:** 25/08/2020

*Trưởng khoa*

*Chủ nhiệm học phần*

Trần Tín Nghị

Trần Tín Nghị